

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Chuyên ngành Kiểm toán
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kế toán Mã số: 52340301
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung
Đơn vị đào tạo	: Chương trình Đào tạo Đặc biệt

*(Ban hành theo quyết định số 364/QĐ-ĐHM ngày 15 tháng 5 năm 2012
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở Tp.HCM)*

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kế toán, chuyên ngành Kiểm toán có phẩm chất đạo đức tốt và trình độ kế toán chuyên nghiệp, cung cấp cho sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về kế toán, các lĩnh vực liên quan mở rộng sang lĩnh vực kiểm toán, có trách nhiệm với xã hội, cũng như khả năng thích nghi với những thách thức của môi trường kinh doanh luôn thay đổi. Ngoài ra, mục tiêu của chương trình ngành kế toán còn huấn luyện cho sinh viên những kỹ năng thực hành chuyên môn trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc sau:

- Kiểm toán viên độc lập tại các doanh nghiệp kiểm toán.
- Kế toán hoặc kiểm toán viên nội bộ tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế .

Đồng thời có thể phát triển nghề nghiệp trong những loại hình tổ chức khác như kiểm toán nhà nước, bộ phận kiểm toán nội bộ tại ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp...

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình cử nhân Kế toán, chuyên ngành Kiểm toán hướng đến việc đào tạo, trang bị cho sinh viên về cả ba mặt: kiến thức, kỹ năng và thái độ. Ngoài ra sinh viên cũng đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học cần thiết để có thể làm việc tốt trong môi trường hội nhập.

• **Chương trình đào tạo trang bị các kiến thức sau:**

○ **Các kiến thức chung về môi trường kinh doanh:**

- Các nguyên lý kinh tế cơ bản
- Các nguyên lý quản trị chung và ứng dụng của lý thuyết này vào thực tế

- Các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán.
- **Các kiến thức chuyên môn về kế toán và kiểm toán:**
 - Giải thích tác động của môi trường kinh tế, xã hội đến hoạt động của doanh nghiệp.
 - Giải thích tác động của cơ cấu tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp đến công việc kế toán, kiểm soát và kiểm toán.
 - Giải thích cơ sở của các chính sách và phương pháp kế toán và các nhân tố chi phối sự lựa chọn.
 - Phân tích các khía cạnh của tính hữu hiệu và hiệu quả của các hoạt động kế toán cũng như các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp .
 - Phân tích ảnh hưởng của các quy định về thuế đến hoạt động của doanh nghiệp cũng như cách thức xử lý về kế toán.
 - Giải thích các nguyên lý cơ bản, các bước thủ tục và kết quả của một cuộc kiểm toán.
 - Trình bày và giải thích phương thức tiếp cận trong quá trình thu thập bằng chứng cho việc đưa ra ý kiến kiểm toán.
- **Trang bị cho sinh viên kỹ năng, phương pháp học tập và nghiên cứu:**
 - Rèn luyện cho sinh viên tư duy phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm và khả năng làm việc độc lập, lắng nghe, trình bày, thuyết phục và chấp nhận sự khác biệt.
 - Kỹ năng tự học hỏi, hoạch định tương lai, kiểm soát thời gian và cẩn trọng trong công việc, có định hướng nghề nghiệp tốt
 - Kỹ năng quản trị bao gồm xác định mục tiêu, lập kế hoạch thực hiện công việc, động viên và giao việc.
 - Khả năng thu thập và phân tích thông tin để đưa ra quyết định.
 - Khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong giao tiếp
- **Xây dựng cho sinh viên thái độ phù hợp:**
 - Sinh viên chuyên ngành Kiểm toán là những người có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đồng thời, sinh viên chương trình là người có ý thức vươn lên trong học tập và làm việc.
- **Trình độ ngoại ngữ:**
 - Sinh viên chuyên ngành Kiểm toán sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ có trình độ tiếng Anh tối thiểu là TOEIC 650 hoặc tương đương.
- **Trình độ tin học:**
 - Sinh viên của chương trình có kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính, internet, các công cụ soạn thảo văn phòng, một số phần mềm liên quan đến chuyên ngành, phục vụ cho việc học tập tại trường và làm việc sau này.

1.2. Thời gian đào tạo

Tổng thời gian đào tạo là 4 năm và được chia làm 11 học kỳ.

1.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ cho một chương trình: **140** tín chỉ, không kể Các môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng **12** tín chỉ

1.4. Đối tượng tuyển sinh

Người đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương.

1.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo qui chế học vụ theo học chế tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 738/QĐ-ĐHM của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp.HCM ngày 18 tháng 09 năm 2012). Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên
- Có các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, và
- Có chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC 650 hoặc tương đương.

1.6. Thang điểm

Thang điểm 10

2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

58 tín chỉ

2.1.1. Lý luận Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh **10 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Những NLCB CN Mác – Lênin (1)	2	CTK
2	Những NLCB CN Mác – Lênin (2)	3	CTK
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CTK
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	CTK

2.1.2. Kiến thức Toán – Tin học

9 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Toán cao cấp	3	CTK
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	CTK
3	Tin học đại cương	3	CTK

2.1.3. Kiến thức Khoa học xã hội**7 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương	2	CTK
2	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
3	Kỹ năng học tập	2	Đạt/ không đạt
4	Chuyên đề kỹ năng	1	Đạt/ không đạt

2.1.4. Ngoại ngữ**32 tín chỉ**

1	Tiếng Anh nâng cao 1	4	
2	Tiếng Anh nâng cao 2	4	
3	Tiếng Anh nâng cao 3	4	
4	Tiếng Anh nâng cao 4	4	
5	Tiếng Anh nâng cao 5	4	
6	Tiếng Anh nâng cao 6	4	
7	TOEIC 1	4	
8	TOEIC 2	4	

2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**82 tín chỉ****2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành****12 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô	3	CTK
2	Kinh tế vĩ mô	3	CTK
3	Marketing căn bản	3	CTK
4	Quản trị học	3	CTK

2.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành**12 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Luật kinh tế	3	CTK
2	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	CTK
3	Tài chính-tiền tệ	3	CTK
4	Nguyên lý kế toán	3	CTK

2.2.3. Kiến thức ngành**12 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Quản trị tài chính	3	CTK

2	Kế toán tài chính 1	3	CTK
3	Thuế và hoạt động doanh nghiệp	3	CTK
4	Kiểm toán căn bản	3	CTK

2.2.4. Kiến thức chuyên ngành

36 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1.	Kế toán tài chính 2	3	Môn bắt buộc
2.	Kế toán tài chính 3	3	Môn bắt buộc
3.	Kế toán chi phí	3	Môn bắt buộc
4.	Kế toán quản trị	3	Môn bắt buộc
5.	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	Môn bắt buộc
6.	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	Môn bắt buộc
7.	Kiểm toán nâng cao	3	Môn bắt buộc
8.	Kế toán quốc tế 1	3	Môn bắt buộc
9.	Kiểm toán thực hành	3	Môn bắt buộc
	<i>Chọn 3 trong số các môn sau đây:</i>		
10.	Kiểm soát nội bộ	3	Môn chọn
11.	Kiểm toán hoạt động	3	Môn chọn
12.	Kế toán quốc tế 2	3	Môn chọn
13.	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	Môn chọn
14.	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	Môn chọn
15.	Kế toán ngân hàng	3	Môn chọn
16.	Kế toán và lập báo cáo thuế	3	Môn chọn
17.	Định giá doanh nghiệp	3	Môn chọn
18.	Thực hành kế toán mô phỏng	3	Môn chọn
19.	Phân tích báo cáo tài chính	3	Môn chọn

2.2.5. Học phần tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp: 4 tín chỉ

Học phần tốt nghiệp: 6 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn trong phần kiến thức chuyên ngành chọn

3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến) HỌC KỲ 1

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh căn bản 1, 2			
2.	Toán cao cấp		3	
3.	Kỹ năng học tập		2	
4.	Pháp luật đại cương		2	
5.	Tin học đại cương		3	
Cộng			10	

HỌC KỲ 2

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 1		4	
2.	Luật kinh tế		3	
3.	Giao tiếp trong kinh doanh		2	
4.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		3	
5.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin, Phần 1		2	
Cộng			14	

HỌC KỲ 3

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 2		4	
2.	Kinh tế vi mô		3	
3.	Nguyên lý kế toán		3	
4.	Giáo dục thể chất (2TC)			
5.	Giáo dục quốc phòng (7TC)			
Cộng			10	

HỌC KỲ 4

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 3		4	
2.	Kinh tế vĩ mô		3	
3.	Quản trị học		3	
4.	Tài chính-tiền tệ		3	
5.	Giáo dục thể chất (3TC)			
Cộng			13	

HỌC KỲ 5

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 4		4	
2.	Nguyên lý thông kê kinh tế		3	
3.	Marketing căn bản		3	
4.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin, Phần 2		3	
Cộng			13	

HỌC KỲ 6

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 5		4	
2.	Kê toán tài chính 1		3	
3.	Quản trị tài chính		3	
4.	Hệ thống thông tin kế toán 1		3	
Cộng			13	

HỌC KỲ 7

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 6		4	
2.	Hệ thống thông tin kế toán 2		3	
3.	Kê toán tài chính 2		3	
4.	Kê toán chi phí		3	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
6.	Thuê và các hoạt động doanh nghiệp		3	
Cộng			18	

HỌC KỲ 8

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	TOEIC 1		4	
2.	Kê toán quản trị		3	
3.	Kê toán tài chính 3		3	
4.	Kiểm toán căn bản		3	
5.	Môn chọn 1		3	
Cộng			16	

HỌC KỲ 9

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	TOEIC 2		4	
2.	Kê toán quốc tế 1		3	
3.	Môn chọn 2		3	
4.	Kiểm toán nâng cao		3	
5.	Đường lối Đường lối CM của Đảng CSVN		3	
6.	Chuyên đề kỹ năng		1	
Cộng			17	

HỌC KỲ 10

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Môn chọn 3		3	
2.	Kiểm toán thực hành		3	
3.	Thực tập tốt nghiệp		4	
Cộng			10	

HỌC KỲ 11

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Khóa luận tốt nghiệp/ hoặc học 2 môn thay thế		6	
Cộng			6	

4. MÔ TẢ MÔN HỌC

4.1. Các môn học đại cương

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin P.1 (2 TC)

Môn học trang bị thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, cho hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn. Môn học giải thích về những vấn đề chung liên quan tới sự tồn tại, phát triển của thế giới nói chung, của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người nói riêng, nó trang bị thế giới quan đúng đắn, nhân sinh quan tích cực, cũng như phương pháp luận biện chứng, khoa học cho người học, nhằm giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Môn học còn là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt các môn Lý luận chính trị, cũng như các môn khoa học khác.

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin P2 (3 TC)

Môn học cung cấp nội dung về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bao gồm học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Môn học cũng cung cấp nội dung về lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội bao gồm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng.

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam (3 TC)

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Toán cao cấp (3 TC)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu các môn toán kinh tế, các môn kinh tế và rèn luyện phương pháp tư duy toán học để vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn. Môn học bao gồm các nội dung: toán giải tích, đại số tuyến tính, tích phân bất định và tích phân xác định; vi phân, định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 TC)

Giới thiệu các kiến thức về hiện tượng ngẫu nhiên, các phép tính xác suất, các vấn đề căn bản trong thống kê kinh tế như lấy mẫu, chọn mẫu, các mô hình kiểm định (chi-square, t, anova, ...) và những khái niệm về các loại chỉ số, tính chất, cách chuyển đổi năm cơ sở của các chỉ số.

Tin học đại cương (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kỹ năng sử dụng máy tính căn bản, kỹ năng sử dụng sử dụng email, tìm kiếm và truy cập thông tin trên internet, các kỹ năng làm việc với hệ thống các phần mềm soạn thảo văn bản (winword) và bảng tính (excel), giới thiệu sơ lược về máy tính, hệ điều hành, Internet.

Pháp luật đại cương (2 TC)

Môn học trước: không.

Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết chung về khái niệm cơ bản của khoa học pháp lý về Nhà nước và Pháp luật. Nội dung của môn học đề cập đến: khái niệm nhà nước, phân tích cấu trúc bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như hiến

pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Giao tiếp trong kinh doanh (2 TC)

Môn học trước: không

Môn học Giao tiếp kinh doanh được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Môn học cũng cung cấp những kiến thức về văn hoá, tập quán của người Việt Nam và các dân tộc khác để có thể giao tiếp đạt hiệu quả. Từ đó sinh viên có thể phát triển và ứng dụng các lý thuyết và các kỹ năng đã học để tăng cường hiệu quả của việc xử lý và truyền đạt thông tin trong giao tiếp.

Kỹ năng học tập (2 TC)

Môn học trước: không yêu cầu

Môn học nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết giúp cho sinh viên thích nghi với môi trường sống và học tập ở bậc đại học, biết cách áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả để đạt được mục tiêu học tập. Nội dung môn học đề cập đến việc đáp ứng với sự thay đổi ở môi trường đại học, xác định mục tiêu và lập kế hoạch, các kỹ năng cơ bản như lắng nghe, đọc, ghi chép, làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, làm bài tiểu luận và ôn tập, thi, nghiên cứu khoa học.

Chuyên đề kỹ năng (1 TC)

Chuyên đề kỹ năng nhằm giúp sinh viên được tiếp cận và rèn luyện các kỹ năng để chuẩn bị bước vào môi trường nghề nghiệp. Nội dung chuyên đề bao gồm: văn hóa giao tiếp, kỹ năng tìm việc, kỹ năng đàm phán và thương lượng hiệu quả...

Tiếng Anh nâng cao 1 (4 TC)

Điều kiện: Sinh viên đạt trình độ thi xếp lớp đầu vào theo quy định của Ban cơ bản Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tiếng Anh để đạt được các kỹ năng Nghe – Nói- Đọc – Viết tương ứng với trình độ A2 theo CEFR.

Tiếng Anh nâng cao 2 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 1

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tiếng Anh để đạt được các kỹ năng Nghe – Nói- Đọc – Viết tương ứng với trình độ A2+ theo CEFR.

Tiếng Anh nâng cao 3 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 2

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tiếng Anh để đạt được các kỹ năng Nghe – Nói- Đọc – Viết tương ứng với trình độ B1- theo CEFR .

Tiếng Anh nâng cao 4 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 3

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tiếng Anh để đạt được các kỹ năng Nghe – Nói- Đọc – Viết tương ứng với trình độ B1 theo CEFR.

Tiếng Anh nâng cao 5 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 4

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tiếng Anh để đạt được các kỹ năng Nghe – Nói- Đọc – Viết tương ứng với trình độ B1+ theo CEFR.

Tiếng Anh nâng cao 6 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 5

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tiếng Anh để đạt được các kỹ năng Nghe – Nói- Đọc – Viết tương ứng với trình độ B1+ theo CEFR.

TOEIC 1 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 6

Môn học trang bị cho sinh viên các kỹ thuật, chiến thuật làm bài thi TOEIC, giúp sinh viên đạt được điểm cao đúng với năng lực ngôn ngữ của sinh viên có được sau khi học các lớp Anh văn 1-6 . Sinh viên thực hành nghe-đọc với các dạng câu hỏi, từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc ở mức độ dễ trong bài thi TOEIC.

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên nắm được các kỹ năng nghe-đọc cơ bản chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC, đạt được điểm 550 - 600.

Sinh viên có thể giao tiếp tiếng Anh trong môi trường làm việc.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 550-600

TOEIC 2 (4 TC)

Môn học trước: TOEIC 1

Môn học trang bị cho sinh viên các kỹ thuật, chiến thuật làm bài thi TOEIC, giúp sinh viên đạt được điểm cao đúng với năng lực ngôn ngữ của sinh viên có được sau khi học các lớp Anh văn 1-6 và TOEIC 1. Sinh viên thực hành nghe-đọc với các dạng câu hỏi, từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc ở mức độ trung bình trong bài thi TOEIC.

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên nắm được các kỹ năng nghe-đọc mức độ trung bình chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC, đạt được điểm từ 600 - 650.

Sinh viên có thể giao tiếp tiếng Anh trong môi trường làm việc.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 600 - 650.

4.2. Các môn cơ sở khối ngành

Kinh tế vi mô (3 TC)

Môn học trước: không

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản. Môn học đề cập đến lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, cấu trúc thị trường và tác động của các chính sách can thiệp thị trường của chính phủ.

Kinh tế vĩ mô (3 TC)

Môn học trước: Kinh tế vi mô

Môn học giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

Marketing căn bản (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và ứng dụng chúng vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm: các khái niệm cơ bản về marketing; vấn đề thị trường và nghiên cứu marketing; nhận dạng nhu cầu và xác định hành vi khách hàng; hoạch định chiến lược marketing, và hoạt động marketing hay hoạt động marketing-mix thông qua sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, con người, quy trình và chứng minh thực tế

Quản trị học (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra. Môn học còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp.

4.3. Các môn cơ sở ngành

Luật kinh tế (3 TC)

Môn học trước: Pháp luật đại cương

Trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, và luật thương mại cũng như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Ngoài ra cũng giới thiệu các vấn đề căn bản về luật quốc tế trong thương mại.

Nguyên lý thống kê kinh tế (3 TC)

Môn học nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.

Tài chính tiền tệ (3 TC)

Môn học này trang bị những kiến thức cơ bản có tính chất lý thuyết về tài chính như: bản chất, chức năng của tài chính; hệ thống tài chính Việt Nam; Ngân sách nhà nước, hệ thống thuế, Bảo hiểm, thị trường tài chính. Ngoài ra, còn trang bị những kiến thức cơ bản về tiền tệ và ngân hàng bao gồm bản chất, chức năng, hình thái và các chế độ tiền tệ; tổ chức hệ thống ngân hàng bao gồm ngân hàng trung ương và hệ thống ngân hàng trung gian; hoạt động của ngân hàng thương mại và thị trường tài chính; và các vấn đề vĩ mô liên quan đến tiền tệ-ngân hàng như phát hành tiền, lạm phát và chính sách tiền tệ quốc gia.

Nguyên lý kế toán (3 TC)

Môn học trước: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của một loại hình đơn vị cụ thể.

4.4. Các môn kiến thức ngành

Kế toán tài chính 1 (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Kế toán tài chính 1 cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên nắm được cách thức ghi nhận, đánh giá, trình bày và công bố những yếu tố cơ bản trên bảng cân đối kế toán (tiền, nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu) và báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (doanh thu và chi phí).

Quản trị tài chính (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kinh tế vi mô

Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị tài chính của doanh nghiệp với các nội dung chính yếu bao gồm tổng quan về quản trị tài chính, các công cụ và mô hình căn bản sử dụng trong quản trị tài chính, phân tích và ra các quyết định về đầu tư, phân tích và ra các quyết định huy động nguồn vốn và chính sách phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học còn trang bị các công cụ phân tích và quản lý tài sản và quản lý rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

Thuế và hoạt động doanh nghiệp (3 TC)

Môn học giới thiệu các qui định hiện hành về thuế liên quan tới hoạt động doanh nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các phân tích tác động của hệ thống qui định pháp luật về thuế đến hoạt động và thu nhập của doanh nghiệp.

Kiểm toán căn bản (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính.

Kiểm toán nâng cao (3 TC)

Môn học trước: Kiểm toán căn bản

Học phần này cung cấp những kiến thức nâng cao về kiểm toán báo cáo tài chính liên quan đến trách nhiệm kiểm toán viên và những bằng chứng kiểm toán đặc biệt. Bên cạnh đó, một nội dung quan trọng khác là ứng dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán vào việc kiểm toán các khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính.

4.5. Các môn kiến thức chuyên ngành

Kế toán tài chính 2 (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính 1

Kế toán tài chính 2 cung cấp kiến thức chuyên sâu hơn về kế toán tài chính. Trong môn học này, sinh viên sẽ nghiên cứu các giao dịch hoặc đối tượng phức tạp hơn trong doanh nghiệp như kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư tài chính, thuê tài sản, bất động sản đầu tư, dự phòng phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp... Ở mức độ này, sinh viên không chỉ vận dụng được hệ thống tài khoản kế toán mà cần giải thích được bản chất kinh tế của giao dịch, cách xử lý của chuẩn mực kế toán trong mối quan hệ với các quy định pháp lý khác.

Kế toán tài chính 3 (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính 2

Kế toán tài chính 3 cung cấp các kiến thức về hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống sổ sách áp dụng trong từng hình thức kế toán và hệ thống báo cáo tài chính. Môn học được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao, tiếp cận từ bản chất đến minh họa thực tế các nội dung đã đề cập ở trên. Ngoài ra trong môn học cũng trang bị kiến thức về hiểu và đọc một số chỉ tiêu trên BCTC cũng như trình bày và giải thích việc tổ chức công tác kế toán tại một doanh nghiệp.

Kế toán chi phí (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính 1

Môn học xem xét vai trò và đóng góp của kế toán chi phí trong hệ thống quản lý. Các cách phân loại và hệ thống chi phí, các yếu tố chi phí, các vấn đề trong chi phí cố định sản xuất. Phân tích và lập ngân sách vốn. Phân quyền và đo lường các kết quả hoạt động. Quyết định về định giá chuyển giao nội bộ.

Kế toán quản trị (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính 2

Môn học này cung cấp những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị; sự khác biệt và mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị; các kiến thức cơ bản về phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị. Trên cơ sở đó xây dựng các phương pháp tính giá, phương pháp lập dự toán, kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

Hệ thống thông tin kế toán 1 (3 TC)

Môn học trước: Tin học đại cương, Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

Môn học Hệ Thống Thông Tin Kế Toán 1 được đưa vào giảng dạy; nhằm hỗ trợ kiến thức nền tảng về hệ thống kế toán máy cho sinh viên ngành Kế toán. Các kiến thức căn bản bao gồm tổng quan về phần mềm kế toán và hệ quản trị cơ sở dữ liệu kế toán. Sinh viên cũng được trang bị kỹ năng thực hành xử lý các giao dịch kế toán căn bản trên một phần mềm kế toán.

Hệ thống thông tin kế toán 2 (3 TC)

Môn học trước: Hệ thống thông tin kế toán 1

Môn học hệ thống thông tin kế toán phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ trong môi trường máy, các quy trình kế toán cơ bản cũng như đánh giá phần mềm kế toán, nhằm giúp người sinh viên kế toán khi ra trường có thể làm việc trong những vai trò khác nhau: là người tư vấn, thiết kế và quản trị hệ thống kế toán; là kiểm toán viên nội bộ về hệ thống của đơn vị hay kiểm toán viên trong tổ chức kiểm toán độc lập.

Kiểm toán thực hành (3 TC)

Môn học trước: Kiểm toán 2 và trước khi đi thực tập.

Môn học Kiểm toán thực hành là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết trong giai đoạn khởi đầu của nghề nghiệp kiểm toán, bao gồm cách thức thực hiện kiểm toán các phần thực hành đơn giản trên hồ sơ kiểm toán. Nội dung môn học cung cấp kiến thức về tổ chức doanh nghiệp kiểm toán, tác phong chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp, quy trình và hồ sơ kiểm toán, kiểm toán tiền, tài sản cố định và kiểm toán chi phí.

Các môn chọn:

Kế toán quốc tế 1 (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính và trước khi đi thực tập.

Môn học Kế toán quốc tế 1 là môn học giúp sinh viên tiếp cận với các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, bao gồm các nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế ở những phần thực hành cơ bản nhất của báo cáo tài chính (hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu...).

Kế toán quốc tế 2 (3 TC)

Môn học trước: Kế toán quốc tế 1

Môn học Kế toán quốc tế 2 giúp sinh viên tiếp cận sâu hơn các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, tập trung vào các chuẩn mực về khuôn mẫu lý thuyết cũng như các yêu cầu của việc trình bày báo cáo tài chính cũng như một số nội dung cơ bản của báo cáo tài chính hợp nhất.

Kiểm soát nội bộ (3TC)

Môn học trước: Kiểm toán 1

Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về cấu trúc hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm soát trong từng chu trình nghiệp vụ của doanh nghiệp, phục vụ cho việc đánh giá và tư vấn về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Sinh viên được học các nội dung về tổng quan về kiểm soát nội bộ, gian lận và biện pháp đối phó với gian lận, các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và bán hàng, chi trình tiền lương, kiểm soát nội bộ đối với tiền và các tài sản cố định hữu hình.

Kiểm toán hoạt động (3 TC)

Môn học trước: Kiểm soát nội bộ.

Môn học này trang bị cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức chuyên sâu về kiểm toán hoạt động, bao gồm khái niệm, kỹ thuật và quy trình kiểm toán tính kinh tế, tính hữu hiệu và tính hiệu quả của các hoạt động, phục vụ cho triển khai kiểm toán hoạt động trong thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước. Sinh viên được học các nội dung về tổng quan về kiểm toán hoạt động, lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, xử lý các phát hiện kiểm toán, báo cáo kiểm toán, kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ và trong kiểm toán nhà nước.

Kế toán và lập báo cáo thuế (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính, Thuế

Nội dung cơ bản của môn học là nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai, nộp thuế đối với nhà nước.

Kế toán ngân hàng (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các hoạt động của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung. Nội dung môn học không những cung cấp kiến thức về kế toán trong lĩnh vực ngân hàng mà còn giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của các ngân hàng, kiểm soát toàn bộ vốn và tài sản ngân hàng cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự phân chia lợi nhuận của ngân hàng.

Kế toán hành chính sự nghiệp (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về nội dung và phương pháp kế toán ở các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, đơn vị khoán chi hành chính sự nghiệp khác. Nội dung môn học bao gồm kế toán khoản phải thu, các khoản chi, kế toán nguồn kinh phí, kế toán các khoản thanh toán và kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình hoạt động. Thông qua các kiến thức trên người học có thể lập được các báo cáo tài chính để cung cấp cho các đối tượng sử dụng.

Phân tích báo cáo tài chính (3 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính

Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Sinh viên được hướng dẫn các phương pháp phân tích bao gồm phân tích các tỷ số tài chính, phân tích xu hướng tài chính, phân tích cơ cấu và phân tích chỉ số để qua đó có thể đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp cũng như đánh giá được tình hình thanh khoản, mức độ sử dụng nợ, hiệu quả sử dụng tài sản và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

Định giá doanh nghiệp (3 TC)

Môn học trước: Quản trị tài chính, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định giá doanh nghiệp để từ đó có thể thấy được giá trị hiện hữu và tiềm năng của doanh nghiệp. Trong đó, môn học nêu rõ tại sao phải cần định giá doanh nghiệp, các đối tượng nào cần phải định giá, các nội dung cần thẩm định, các phương pháp định giá doanh nghiệp như định giá doanh nghiệp theo tỷ số P/E, phương pháp định giá theo mô hình chiết khấu dòng tiền, và phương pháp định giá theo giá trị tài sản thực.

Thực hành kế toán mô phỏng (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính.

Môn học giúp sinh viên biết được các thức tổ chức, phân chia vai trò và nhiệm vụ của một kế toán trong phòng kế toán của doanh nghiệp. Môn học trình bày quy trình bắt đầu công việc kế toán của doanh nghiệp từ khâu đăng ký hình thức kế toán, mua hóa đơn chứng từ và sổ sách kế toán đến việc ghi chép sổ sách kế toán hàng ngày cho đến khâu lập các báo cáo tài chính và báo cáo thuế trên bộ số liệu thực tế của doanh nghiệp (quá trình làm kế toán được tiến hành bằng tay và ứng dụng tin học vào công việc kế toán). Qua đó giúp sinh viên có những kinh nghiệm thực tế và biết cách xử lý tình huống phát sinh mà trong quá trình học không thể bao hàm hết được.

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (3 TC)

Môn học trước: Lý thuyết xác suất thống kê và Tài chính doanh nghiệp

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dự án đầu tư; các nội dung cần thiết lập và các yêu cầu, phương pháp thẩm định dự án. Các vấn đề như nghiên cứu thị trường, phân tích kỹ thuật, đánh giá hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội, đánh giá tác động môi trường, tổ chức và quản trị thực hiện dự án được đề cập đến.

4.6. Thực tập và học phần tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp (4 TC)

Kỳ thực tập tốt nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập vào thực tiễn, có cơ hội có được những kinh nghiệm thực tế bằng cách tiếp cận với môi trường làm việc. Qua đó, sinh viên học được nền tảng, cơ cấu tổ chức cũng như cách làm việc chuyên nghiệp trong một môi trường sản xuất kinh doanh. Kết thúc kỳ thực tập, sinh

viên được yêu cầu viết báo cáo thực tập để so sánh giữa lý thuyết và thực tế kinh doanh. Thời gian thực tập tại doanh nghiệp thông thường là 8 tuần. Trong thời gian này sinh viên sẽ chọn một chủ đề liên quan đến ngành học để viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp với sự hướng dẫn của giảng viên.

Khóa luận tốt nghiệp / học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (6TC)

Sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn làm khóa luận trong 8 tuần dựa trên chủ đề nghiên cứu đã có trong thời gian thực tập ở doanh nghiệp.

Nếu không làm khóa luận tốt nghiệp thì sinh viên có thể học các môn học trong danh mục các môn học thuộc kiến thức chuyên ngành để thay thế khóa luận tốt nghiệp.

5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

5.1. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

TT	Họ tên Giảng viên	Chức danh học vị	Môn học	Ghi chú
1.	Vũ Hữu Đức	Phó Giáo sư - Tiến sĩ	Kiểm toán 1 & 2 Kiểm toán hoạt động Kiểm soát nội bộ	
2.	Nguyễn Minh Kiều	Phó Giáo sư - Tiến sĩ	Quản trị tài chính	
3.	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	PGS. Tiến sĩ	Kinh tế vi mô	
4.	Nguyễn Minh Hà	PGS. Tiến sĩ	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	
5.	Lê Thị Khoa Nguyên	Tiến sĩ	Kế toán tài chính 1, 2 & 3 Kế toán quản trị Kế toán chi phí	
6.	Đặng Văn Thanh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô	
7.	Trịnh Thùy Anh	Tiến sĩ	Quản trị học	
8.	Võ Minh Long	Thạc sĩ	Kế toán quản trị	
9.	Nguyễn Như Ánh	Thạc sĩ	Kế toán chi phí	
10.	Huỳnh Đặng Bích Vy	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô	
11.	Lê Thị Minh Châu	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính 1,2&3	
12.	Lê Phúc Loan	Thạc sĩ	Marketing căn bản	
13.	Châu Thanh An	ThS – Kế toán	Kiểm toán 1 & 2 Kiểm soát nội bộ Kiểm toán thực hành Kế toán quốc tế 1 & 2	
14.	Hoàng Huy Cường	ThS – Kế toán	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính 1, 2 & 3 Kế toán chi phí	
15.	Ngô Hoàng Điệp	ThS – Kế toán	Kế toán tài chính 1, 2 & 3	

			Kế toán chi phí	
16.	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	ThS – Kế toán	Kế toán tài chính 1, 2 & 3 Kế toán và lập báo cáo thuế	
17.	Hồ Sỹ Tuy Đức	ThS – Kế toán và quản trị thông tin	Kế toán quản trị Kế toán quốc tế 1 & 2	
18.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ThS – Kế toán	Kế toán và lập báo cáo thuế Nguyên lý kế toán	
19.	Ngô Ngọc Linh	CN – Kế toán Kiểm toán	Kiểm toán 1 & 2 Kiểm soát nội bộ Kiểm toán thực hành Kế toán quốc tế 1 & 2	
20.	Nguyễn Hoàng Phi Nam	CN – Kế toán	Hệ thống thông tin kế toán 2 Nguyên lý kế toán	
21.	Lý Nguyễn Thu Ngọc	ThS – Kế toán	Kế toán quản trị Nguyên lý kế toán	
22.	Phan Thị Thúy Ngọc	ThS – Tài chính	Nguyên lý kế toán	
23.	Trần Minh Ngọc	ThS – Tài chính	Hệ thống thông tin kế toán 1&2 Nguyên lý kế toán	
24.	Dương Trọng Nhân	CN – Kế toán	Hệ thống thông tin kế toán 1	
25.	Trần Tuyết Thanh	ThS – Tài chính	Kế toán tài chính 1, 2 & 3 Nguyên lý kế toán	
26.	Phạm Thị Phương Thảo	ThS – Tài chính	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính 1	
27.	Vũ Quốc Thông	ThS – Hệ thống thông tin trong thương mại	Hệ thống thông tin kế toán 1&2	
28.	Trần Thị Vinh	ThS – Kế toán	Kiểm toán 1 & 2 Kiểm soát nội bộ Kiểm toán thực hành Kế toán quốc tế 1 & 2	
29.	Phạm Minh Vương	ThS – Tài chính	Kiểm toán 1 Kế toán quốc tế 1 & 2 Kế toán quản trị	
30.	Lê Thị Thanh Xuân	ThS – Kế toán	Kiểm toán 1 & 2 Kiểm soát nội bộ Kiểm toán thực hành Kiểm toán hoạt động	
31.	Nguyễn Bảo Châu	ThS – Tài chính	Kế toán quản trị Nguyên lý kế toán Kế toán quốc tế 1 & 2	
32.	Đình Thị Thu Hiền	ThS – Tài chính	Kiểm toán 1 Kiểm toán thực hành Kế toán quốc tế 1 & 2	
33.	Nguyễn Thanh Duy	ThS – Kinh tế	Hệ thống thông tin kế toán 1	
34.	Nguyễn Kim Phước	Thạc sĩ	Tài chính tiền tệ	
35.	Trần Anh Thục Đoan	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương	
36.	Trần Trung Kiệt	Thạc sĩ	Toán cao cấp	

37.	Trần Kiên Việt Thắng	Thạc sĩ	Giao tiếp trong kinh doanh	
38.	Trần Duy Thức	Thạc sĩ	Kế toán chi phí	
39.	Nguyễn Thị Hoài Minh	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	
40.	Nguyễn Kim Quý	Thạc sĩ	TOEIC 1, 2	
41.	Lê Hồng Thái	Thạc sĩ	Tin học đại cương	
42.	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	Thạc sĩ	Tin học đại cương	

5.2. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG

TT	Họ tên Giảng viên	Chức danh học vị	Môn học	Đơn vị công tác
1.	Lê Phan Thị Diệu Thảo	Phó giáo sư – tiến sĩ	Tài chính tiền tệ	Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM
2.	Nguyễn Thị Kim Cúc	Tiến sĩ	Kế toán tài chính	Trường đại học kinh tế TP.HCM
3.	Hồ Xuân Thủy	Thạc sĩ	Kế toán và báo cáo thuế	Trường ĐH Kinh tế - Luật
4.	Trần Thị Giang Tân	Tiến sĩ	Kiểm toán 1	Trường đại học kinh tế TP.HCM
5.	Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Thạc sĩ	Nguyên lý thống kê kinh tế	Trường đại học kinh tế TP.HCM
6.	Trần Khánh Lâm	Tiến sĩ	Kiểm toán 1	Vietvalues
7.	Phan Hiển Minh	Tiến sĩ	Thuế và các hoạt động của doanh nghiệp	
8.	Huỳnh Thanh Tú	Tiến sĩ	Giao tiếp trong kinh doanh	Trường ĐH Kinh tế - Luật
9.	Đào Bảo Dũng	Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê	Trường đại học kinh tế TP.HCM
10.	Châu Văn Thành	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô	Trường đại học kinh tế TP.HCM
11.	Lê Thị Minh Châu	ThS - Kế toán – Kiểm toán và Phân tích HĐKT	Nguyên lý kế toán Kế toán tài chính 1,2&3	
12.	Nguyễn Phúc Sinh	TS – Kế toán	Kế toán tài chính 1,2&3	Trường Đại học Công Nghiệp Tp Hồ Chí Minh
13.	Lê Hồng Nam	ThS – Kinh tế	Kế toán tài chính 1,2&3	Ngân hàng Eximbank
14.	Ngô Thị Mỹ Thúy	ThS – Kinh	Kế toán tài chính 1,2&3	Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng nghiệp

		tế		vụ - ĐHLĐXH
15.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	ThS – Kế toán	Kế toán tài chính 1,2&3	Trường Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh
16.	Phạm Quốc Thuận	ThS – Kế toán	Kế toán tài chính 1,2&3	Đại Học Kinh Tế Luật
17.	Phạm Thị Huyền Quyên	ThS – Kế toán	Kế toán tài chính 1,2&3	Trường Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh
18.	Đỗ Thị Tuyết Lan	TS – Quản trị	Kế toán quản trị Kế toán chi phí	
19.	Huỳnh Ngọc Thành Trung	ThS – Khoa học máy tính	Hệ thống thông tin kế toán 1&2	Trường Cao Đẳng Tài Chính Hải Quan
20.	Nguyễn Thị Thanh Vân	ThS – Tài chính	Hệ thống thông tin kế toán 1	Trường Đại học Mở Tp Hồ Chí Minh
21.	Trần Anh Sơn	ThS – Tin học	Hệ thống thông tin kế toán 1 Hệ thống thông tin kế toán 2	Trường Cao Đẳng Tài Chính Hải Quan
22.	Trần Khánh Lâm	TS – Kế toán	Kiểm toán 1&2	Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt
23.	Nguyễn Minh Tích	CN – Kế toán	Kiểm toán 1&2	Công ty TNHH TVKT Hoàng Gia Việt Nam
24.	Nguyễn Tri Trí	ThS – Kế toán	Kiểm toán 1&2 Kế toán quốc tế 1&2	Trường Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh
25.	Lê Vũ Ngọc Thanh	ThS – Kế toán	Kiểm toán 1&2 Kế toán quốc tế 1&2	Trường Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh
26.	Đoàn Văn Hoạt	ThS – Kế toán	Kiểm toán 1&2	Trường Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh
27.	Nguyễn Thanh Hồng	ThS – Tài chính	Kiểm toán 1&2	Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt
28.	Trần Thị Giang Tân	TS – Kế toán	Kiểm soát nội bộ	Trường Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh
29.	Mai Đức Nghĩa	ThS – Kế toán	Kiểm soát nội bộ	Trường Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh
30.	Mai Trí Bình	Thạc sĩ	Tiếng Anh nâng cao	
31.	Phan Bích Nga	Thạc sĩ	Tiếng Anh nâng cao	

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

- Lớp học, thư viện tập trung tại 97 Võ Văn Tần, P.6, Q3 hoặc các cơ sở khác tại trung tâm thành phố.
- Giáo trình và tập bài giảng được gửi lên mạng và gửi trực tiếp đến lớp.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ lộ trình các môn học và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập.
- Các môn GDTC, GDQP và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng Quản lý đào tạo.
- Môn học được tiến hành theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- Điều kiện được thực hiện khóa luận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình

Điểm trung bình tích lũy: Từ 7,5 trở lên

Điểm thực tập tốt nghiệp: Từ 8,0 trở lên và phải được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT**

PGS.TS. Nguyễn Thuận

PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều